

Bản án số: 86/2022/DS-PT

Ngày: 12/12/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sừ

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế, bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/DS-PT ngày 03/10/2022 về việc kiện Tranh chấp quyền sử dụng đất, kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐ - PT ngày 26/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Khánh T, sinh năm 1972; có mặt

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ T, huyện C M, tỉnh Bắc Kạn

Bị đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1958; có mặt

Địa chỉ: Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1967; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm S B, xã Y N, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên

2. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1974, vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Khánh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ T, huyện C M, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

4. Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1958, vắng mặt

Địa chỉ: Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên

5. Bà Đỗ Thị L, vắng mặt

Địa chỉ; Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện P L, Thái Nguyên

6. Chị Vũ Thị Xuân T2, sinh năm 1985, có mặt

7. Chị Vũ Thị T3, sinh năm 1987, vắng mặt

8. Anh Vũ Ngọc D, sinh năm 1989, có mặt

9. Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1993, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Lưu Khánh T trình bày:

Năm 2009 Ông Lưu Khánh T trúng đấu giá 02 lô đất tại Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên là thửa đất số 217 và 218, tờ bản đồ số 48, diện tích mỗi thửa 99m², ngày 03/11/2010 UBND huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên cho Ông Lưu Khánh T. Năm 2009, Bà Đỗ Thị P xây miếu thờ trên hai thửa đất và nhận 02 thửa đất trên là đất của bà P. Ông T yêu cầu Tòa án buộc bà P phải tháo dỡ miếu thờ, thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất trả lại 02 thửa đất trên cho ông.

Bị đơn Bà Đỗ Thị P trình bày:

Ngày 25/3/2006, bà cùng chị gái là Đỗ Thị Liên mua 01 thửa đất của Bà Đặng Thị H ở Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện P L, tỉnh Thái Nguyên, hai bên có lập giấy tờ mua bán viết tay, có trưởng xóm ký xác nhận. Năm 2009 bà P xây dựng 01 Miếu thờ trên diện tích đất này. Năm 2018, Ông T đến lấn chiếm, chặt cây, bà P mời chính quyền địa phương đến giải quyết nhưng chưa dứt điểm. Nay Ông T khởi kiện yêu cầu bà P trả lại 02 thửa đất nêu trên, bà P không nhất trí vì cho rằng là đất của bà P mua của Bà Đặng Thị H.

Bà Đặng Thị H trình bày: Năm 2006 bà H có bán cho Bà Đỗ Thị P 01 thửa đất nông nghiệp 1,2 sào, hai bên có giấy viết tay, có xác nhận của Trưởng xóm. Sau khi mua xong bà P đổ đất lên và xây dựng nhà tạm hiện bà P đang ở. Diện tích đất bà H bán cho bà P nằm ngoài phạm vi đất quy hoạch của UBND huyện Phú Lương, không trùng với thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 48 đang có tranh chấp với Ông T.

Ông Vũ Văn T1 trình bày: Ông T1 kết hôn với bà P năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Trục, huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định. Năm 2006, Ông T1 và bà P có mua của bà H một mảnh đất tại Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện Phú Lương. Ông T1 xác định mảnh đất mua của bà H không liên quan gì đến đất của Ông T. Năm 2018 ông và bà P sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà P tranh chấp với Ông T, Ông T1 xác định không liên quan, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt Ông T1.

Bà Đỗ Thị L trình bày: Ngày 25/3/2006, bà L và bà P có mua chung một mảnh đất của Bà Đặng Thị H, số thửa 47, không nhớ diện tích với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua đất, Bà Đỗ Thị P xây nhà, hiện tại bà L ở nhờ nhà em gái là

bà P. Ông Lưu Khánh T đến tự ý chặt phá cây cối, lấn chiếm đất, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông T phải trả lại đất cho bà L và bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lưu Khánh T. Giao cho Ông T sử dụng thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Buộc Bà Đỗ Thị P trả lại diện tích đất tại thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 48, địa chỉ: Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và tháo dỡ miếu thờ, cây cối hoa màu trên 02 thửa đất trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/6/2022 bị đơn Bà Đỗ Thị P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 06/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, bà P cho rằng: Diện tích đất thửa 217, 218, tờ bản đồ số 48 Ông T khởi kiện yêu cầu bà phải trả lại do bà và bà L mua của bà H, có ranh giới rõ ràng, được Trưởng xóm xác nhận.

Tại phiên toà phúc thẩm, Ông Lưu Khánh T và Anh Vũ Ngọc D trình bày: Khoảng tháng 6/2022 Ông Lưu Khánh T đã chuyển nhượng thửa đất số 217, tờ bản đồ số 48, diện tích 99 m² cho Anh Vũ Ngọc D, ngày 14/6/2022 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Ngọc D. Hiện tại trên thửa đất số 218 tranh chấp với Bà Đỗ Thị P chỉ còn một góc miếu thờ và một số cây chuối do bà P trồng và xây dựng trên đất. Ông T rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu bà P trả lại thửa đất số 217, đề nghị Toà án buộc Bà Đỗ Thị P phải tháo dỡ phần Miếu thờ và cây cối trên đất, trả lại cho ông thửa đất số 218, tờ bản đồ số 48, diện tích 99 m².

Bị đơn Bà Đỗ Thị P giữ nguyên nội dung kháng cáo, không nhất trí với việc rút một phần đơn khởi kiện của Ông Lưu Khánh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, theo hướng buộc Bà Đỗ Thị P phải tháo dỡ phần Miếu thờ, cây cối tài sản trên đất trả lại cho Ông Lưu Khánh T thửa đất số 218, tờ bản đồ số 48, diện tích 99 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ông Lưu Khánh T rút một phần đơn khởi kiện, Bà Đỗ Thị P không đồng ý, không rút đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về vị trí, nguồn gốc, quá trình sử dụng phần đất tranh chấp:

[3] Phần đất tranh chấp xác định là thửa đất số 217, 218, tờ bản đồ số 48, diện tích mỗi thửa 99 m², có nguồn gốc do Ông T mua đấu giá quyền sử dụng đất của UBND huyện Phú Lương ngày 21/12/2009. Ngày 03/11/2010 UBND huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên cho Ông Lưu Khánh T.

[4] Về quá trình sử dụng đất: Tại biên bản hoà giải ngày 15/6/2021 do UBND xã Y N, huyện Phú Lương tiến hành, ông Hà Ngọc L1 Bí thư Chi bộ, ông Nguyễn Ngự N1 Trưởng xóm xác định: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của Bệnh viện Chợ Mới cũ. Sau khi Bệnh viện Chợ Mới chuyển về thị trấn Du, năm 1999 phần đất đó đã được quy hoạch chia lô làm đất ở, đến năm 2009 bán đấu giá. Do từ thời điểm quy hoạch đến khi đấu giá xong năm 2009, các hộ trúng đấu giá đất không quản lý chặt chẽ, nên bà P người xóm Ba Luồng đã tự mua phần đất nông nghiệp của bà H người Xóm S B liền kề, lấn chiếm xây Miếu thờ, trồng cây hoa màu và làm nhà trên đất.

[5] Bà Đỗ Thị P cho rằng phần đất thửa 217, 218 UBND huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông T do bà và bà L nhận chuyển nhượng của bà H. Xét thấy:

Tại bản phô tô giấy chuyển nhượng đất đề ngày 25/3/2006 giữa bà H với bà L và bà P do bà P cung cấp, thể hiện bà H chuyển nhượng cho bà P, bà L một đám đất trước cửa nhà ông Toàn, cô Ve, không có số thửa, tờ bản đồ số 47, không ghi diện tích.

Như vậy, diện tích đất bà P khai nhận chuyển nhượng của bà H không rõ diện tích, vị trí nào. Bà Đặng Thị H khai: Năm 2006 có bán cho Bà Đỗ Thị P 01 thửa đất nông nghiệp 1,2 sào hai bên có giấy viết tay, có xác nhận của Trưởng xóm. Sau khi mua xong bà P đổ đất lên và xây dựng nhà tạm hiện bà P đang ở. Diện tích đất bà H bán cho bà P nằm ngoài phạm vi đất quy hoạch của UBND huyện Phú Lương, không trùng với thửa đất số 217, 218 tờ bản đồ số 48 đang có tranh chấp.

Bà P cho rằng phần đất thửa 217, 218 tờ bản đồ số 48 UBND huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Lưu Khánh T do bà P nhận chuyển nhượng của bà H là không có căn cứ.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của Ông T, buộc bà P phải tháo dỡ, di chuyển công trình xây dựng cây cối trên đất trả cho Ông T 02 thửa đất số 217, 218 là có căn cứ.

Bà P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, nên không có căn cứ chấp nhận.

Khoảng tháng 6/2022, Ông T đã chuyển nhượng thửa đất số 217, tờ bản đồ số 48 các bên đang tranh chấp cho Anh Vũ Ngọc D là con bà P, ngày 14/6/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Dũng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dũng khai nhận chuyển nhượng thửa đất số 217 nhằm mục đích giữ lại Miếu thờ cho mẹ là Bà Đỗ Thị P, không có ý kiến đề nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm, buộc bà P phải tháo dỡ phần miếu thờ và cây cối, hoa màu trên thửa đất số 218 để trả lại đất cho Ông T.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá đất để tính án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị diện tích đất mà buộc bà P phải chịu mức án phí không có giá ngạch 300.000 đồng là không đúng. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà P. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí phúc thẩm: Do bà P là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà P, hoàn trả bà P 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên bản quyết toán có trong hồ sơ là 10.600.000 đồng. Trong đó bà P đã nộp và chi phí 4.200.000 đồng, Ông T đã nộp và chi phí 6.400.000 đồng, cần buộc bà P phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, hoàn trả cho Ông T 6.400.000 đồng như cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Đỗ Thị P; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20/6/2022/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 164, 166, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lưu Khánh T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất thửa số 218 tờ bản đồ số 48, tại Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với Bà Đỗ Thị P.

Buộc Bà Đỗ Thị P phải tháo dỡ phần Miếu thờ, cây cối hoa màu, tài sản trên đất trả cho Ông Lưu Khánh T thừa đất số 218 tờ bản đồ số 48, diện tích 99 m², tại Xóm Đ Đ, xã Y N, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ chi tiết kèm theo là các điểm: 3, 4, 5, 6, 7, 3).

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho Bà Đỗ Thị P. Hoàn trả bà P 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0003410 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Bà Đỗ Thị P chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy là 10.600.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 4.200.000 đồng. Bà P phải hoàn trả cho Ông Lưu Khánh T 6.400.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quế Nguyễn Minh Lý

Hoàng Quý Sửu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quý Sửu